

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 28-7-2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dương

Bà Trần Minh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Bà Trần Thị Ngọc G - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2017/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 32/2017/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1057/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị B, sinh năm 1989; ĐKKHKT: Số 20/47/81 đường C, phường D, quận A, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Xóm 5, xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng;

2. Bị đơn: Anh G, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Số 20/47/81 đường C, phường D, quận A, thành phố Hải Phòng;

Người kháng cáo: Bị đơn anh G.

Chị B và anh G cùng có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tóm tắt nội dung, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Chị B và anh G kết hôn năm 2013, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận A, thành phố Hải Phòng ngày 22/10/2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách vợ chồng không phù hợp, anh chị ít khi nói chuyện với nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, căng thẳng, hay cãi nhau, có tiếp tục chung sống thì cuộc sống của vợ chồng anh chị cũng không có hạnh phúc. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, không có tiếng nói chung nên chị B đã về nhà ngoại ở và anh chị cũng sống ly thân từ tháng 4 năm 2016 cho đến nay, không liên quan đến nhau về tình cảm và kinh tế. Về con chung: B và anh G có một con chung tên là H, sinh ngày 23/3/2015. Về tài sản chung: B và anh G không có tài sản chung

Quan điểm của nguyên đơn:

Do anh G không quan tâm đến vợ con, anh G thường dành thời gian vào việc chơi điện tử để mặc chị B lo toan cuộc sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Hơn nữa anh G không tôn trọng chị và gia đình chị. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị B và anh G có 01 con chung tên là H, sinh ngày 23/3/2015. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con vì cháu là con gái và còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ. Về điều kiện nuôi con chị B đã thuê được chỗ ở riêng ở gần khu bệnh viện Nhi Đức, thuận tiện cho việc đi lại và ăn học của con; hiện tại chị đang có công việc là Điều dưỡng viên tại Bệnh viện I thu nhập ổn định, đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Chị nuôi con không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị B, anh G không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của bị đơn:

Trong quá trình tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết đơn xin ly hôn của chị B, anh không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng có thể hòa giải đoàn tụ nhưng vì chị B kiên quyết ly hôn nên tại buổi hòa giải ngày 23/02/2017 anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh G được nuôi con. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22/5/2017 anh G vẫn đề nghị được đoàn tụ gia đình vì anh vẫn còn tình cảm với chị B, không muốn con phải khổ vì bố mẹ chia tay, nếu Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn anh thì anh vẫn đề nghị được nuôi con, anh G nuôi con không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh.

Lý do anh G đề nghị được nuôi con: Anh G biết con anh chị là cháu H, sinh ngày 23/3/2015 đang dưới 36 tháng tuổi, theo quy định của pháp luật phải giao cho mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng con nhưng anh G cho rằng chị B không thương

con, khi anh chị sống ly thân chị B bỏ nhà đi, ít khi thăm con dù có người báo con bị ốm.

Về tài sản chung: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm: Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 32/2017/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng đã áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ khoản 1 Điều 28, 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/6/2016 về án phí, lệ phí. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; chị B được ly hôn anh G.

- Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 23/3/2015 cho chị B nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án.

2. Nội dung kháng cáo:

Sau khi xét xử, ngày 05/6/2017, bị đơn là anh G đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 32/2017/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng.

3. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn B trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn anh G; về con chung: chị B đề nghị được nuôi con, chị không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng tiền nuôi con; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh G trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nếu chị B cố tình ly hôn thì anh đồng ý nhưng anh đề nghị được nuôi con, và không yêu cầu chị B cấp dưỡng tiền nuôi con; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo:

- Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung kháng cáo: Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa chị B và anh G đều thừa nhận hai vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình trạng mâu thuẫn hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, không thể hàn gắn. Về con chung: Chị B và anh G đều có nguyện vọng nuôi con chung là cháu H, sinh ngày 23/3/2015, cả hai đều có điều kiện tốt để nuôi con. Tuy nhiên xét cháu H còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên giao cho chị B nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về tài sản chung: Chị B và anh G không yêu cầu tòa án giải quyết.

Vì những lý do trên nên kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/6/2016 về án phí, lệ phí đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của anh G. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 32/2017/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn anh G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của bị đơn, việc giải quyết xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo và nội dung kháng cáo, thủ tục kháng cáo của bị đơn là anh G hợp lệ nên được Tòa án chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung kháng cáo:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014, chị B và anh G phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G không quan tâm đến vợ con, anh chị ít khi nói chuyện với nhau, anh G thường dành thời gian vào việc chơi điện tử để mặc chị B lo toan cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên căng thẳng. Hơn nữa anh G không tôn trọng chị và gia đình chị dẫn đến cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, căng thẳng, hay cãi nhau, có tiếp tục chung sống thì cuộc sống của vợ chồng anh chị cũng không có hạnh phúc. Chị B, anh G đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2016 đến nay, từ khi anh chị sống ly thân đến nay không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình, anh G là người đề xuất đoàn tụ gia đình nhưng bản thân anh cũng không thể hiện được việc anh đã làm gì để cải thiện cuộc sống vợ chồng. Anh G đồng ý với ý kiến của chị B về quá trình kết hôn, quá chung sống, mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị B và anh G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh G về vấn đề này.

2.2. Về con chung:

Chị B và anh G thống nhất có 01 con chung là H, sinh ngày 23/5/2015. Cháu H hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi sẽ giao cho mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Mặt khác, hiện nay chị B đang có chỗ ở, công việc ổn định, có điều kiện chăm sóc con, không phụ thuộc anh G về kinh tế. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo về việc nuôi con của anh G.

2.3. Về tài sản chung: Tại Tòa án cấp sơ thẩm chị B, anh G không yêu cầu tòa án giải quyết, nhưng đơn kháng cáo của anh G có kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm chia tài sản. Theo đơn đề nghị ngày 05/7/2017 của anh G gửi Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng anh G đã rút yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết phần chia tài sản chung. Nên, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là anh G; giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 32/2017/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng.

[3] Về án phí: Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm được giữ nguyên nên bị đơn là anh G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/6/2016 về án phí, lệ phí.

Xử:

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là anh G.

Về quan hệ hôn nhân: Chị B được ly hôn anh G.

Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 23/3/2015 cho chị B nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về án phí sơ thẩm: Chị B phải nộp 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận A, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014444 ngày 26 tháng 11 năm 2016. Chị B đã nộp đủ tiền án phí.

Về án phí phúc thẩm: Anh G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, anh G đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0004495 ngày 15/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận A;
- TAND quận A;
- Các đương sự;
- UBND phường D, quận A, Hải Phòng;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà

tế Việt Nam số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0000545 ngày 13-12-2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà – Cao Văn Tuấn

Nguyễn Văn Dương